

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018
PHÂN THEO KHOA NGHỀ

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Điện công nghiệp	728	1	148	580	6	0.82	14	1.92	75	10.30	296	40.66	220	30.22	40	5.49	0	0.00	77
	Điện tử công nghiệp	117	1	30	87	0	0.00	5	4.27	21	17.95	50	42.74	24	20.51	6	5.13	1	0.85	10
	CNKT Điện_Điện tử	241	5	62	179	1	0.41	6	2.49	40	16.60	75	31.12	58	24.07	22	9.13	2	0.83	37
	CNKT Cơ điện tử	68	0	14	54	0	0.00	0	0.00	1	1.47	11	16.18	32	47.06	9	13.24	1	1.47	14
	CNKT ĐK Tự động	136	1	40	96	2	1.47	2	1.47	24	17.65	45	33.09	45	33.09	11	8.09	0	0.00	7
	Điện CN&DD	44	0	15	29	0	0.00	3	6.82	8	18.18	25	56.82	4	9.09	0	0.00	0	0.00	4
	Điện công nghiệp	173	1	117	56	0	0.00	1	0.58	19	10.98	50	28.90	55	31.79	13	7.51	4	2.31	31
	Điện tử công nghiệp	96	1	80	16	0	0.00	6	6.25	24	25.00	19	19.79	11	11.46	15	15.63	5	5.21	16
	CNKT Điện_Điện tử	63	1	56	7	0	0.00	1	1.59	3	4.76	10	15.87	26	41.27	12	19.05	0	0.00	11
2	Điện lạnh	236	0	78	158	1	0.42	3	1.27	26	11.02	150	63.56	20	8.47	3	1.27	0	0.00	33
	Kỹ thuật ML&ĐHKK	86	1	23	63	0	0.00	0	0.00	1	1.16	23	26.74	40	46.51	9	10.47	0	0.00	13
	VH - SC thiết bị lạnh	97	0	42	55	0	0.00	0	0.00	1	1.03	35	36.08	26	26.80	17	17.53	0	0.00	18
	CNKT Nhiệt	59	0	20	39	0	0.00	0	0.00	0	0.00	23	38.98	20	33.90	9	15.25	0	0.00	7
	Điện lạnh	5	0	3	2	0	0.00	1	20.00	2	40.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	2
	Lắp đặt thiết bị lạnh	155	0	138	17	0	0.00	0	0.00	16	10.32	53	34.19	52	33.55	18	11.61	1	0.65	15
	CNKT Nhiệt	50	0	40	10	0	0.00	1	2.00	7	14.00	17	34.00	15	30.00	2	4.00	0	0.00	8
3	Cơ điện	65	0	13	52	0	0.00	3	4.62	23	35.38	35	53.85	3	4.62	0	0.00	0	0.00	1
	Cơ điện tử	68	1	15	53	0	0.00	0	0.00	24	35.29	28	41.18	8	11.76	5	7.35	0	0.00	3
	KT-BT-SC máy CNC	18	0	10	8	0	0.00	1	5.56	2	11.11	13	72.22	1	5.56	0	0.00	0	0.00	1
	Bảo trì HT - TB - CN	37	0	5	32	0	0.00	0	0.00	2	5.41	17	45.95	13	35.14	0	0.00	0	0.00	5
	Cắt gọt kim loại	15	0	3	12	0	0.00	2	13.33	8	53.33	0	0.00	1	6.67	0	0.00	0	0.00	4
	CNKT Cơ khí	482	4	125	357	0	0.00	4	0.83	49	10.17	194	40.25	142	29.46	17	3.53	3	0.62	73
	CN Chế tạo máy	633	2	184	449	4	0.63	11	1.74	63	9.95	251	39.65	197	31.12	41	6.48	1	0.16	65
	Cắt gọt kim loại	85	1	64	21	0	0.00	2	2.35	18	21.18	17	20.00	17	20.00	11	12.94	5	5.88	15
	CNKT Cơ khí	100	0	78	22	0	0.00	0	0.00	5	5.00	28	28.00	36	36.00	12	12.00	0	0.00	19

S TT	NGÀNH	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN														GHI CHÚ (không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB.Khá		Trung Bình		Yếu		Kém		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
4	Công nghệ Ô Tô	1678	8	491	1187	12	0.72	53	3.16	312	18.59	846	50.42	243	14.48	34	2.03	5	0.30	173
	BT & SC Ô Tô	118	0	75	43	0	0.00	7	5.93	46	38.98	20	16.95	8	6.78	11	9.32	0	0.00	26
	Công nghệ Ô Tô	340	0	268	72	0	0.00	6	1.76	58	17.06	86	25.29	89	26.18	24	7.06	10	2.94	67
5	CN May & Thời trang	212	191	41	171	0	0.00	5	2.36	46	21.70	139	65.57	10	4.72	4	1.89	0	0.00	8
	Công nghệ May	100	87	26	74	1	1.00	10	10.00	27	27.00	36	36.00	4	4.00	8	8.00	0	0.00	14
	CN May & Thời trang	79	67	62	17	0	0.00	3	3.80	8	10.13	26	32.91	23	29.11	12	15.19	0	0.00	7
	May thời trang	18	15	13	5	0	0.00	0	0.00	5	27.78	2	11.11	1	5.56	0	0.00	0	0.00	10
6	Công nghệ phần mềm	150	9	51	99	0	0.00	1	0.67	16	10.67	48	32.00	67	44.67	8	5.33	0	0.00	10
	Mạng MT, QT Mạng	219	11	96	123	0	0.00	1	0.46	17	7.76	58	26.48	90	41.10	20	9.13	3	1.37	30
	CN Web, TK Web	127	9	65	62	0	0.00	1	0.79	16	12.60	62	48.82	21	16.54	4	3.15	0	0.00	23
	CNKT Máy tính	75	1	43	32	0	0.00	0	0.00	6	8.00	21	28.00	25	33.33	8	10.67	0	0.00	15
	Lập trình máy tính	85	5	34	51	0	0.00	0	0.00	3	3.53	18	21.18	35	41.18	5	5.88	0	0.00	24
	An ninh mạng	22	0	12	10	0	0.00	1	4.55	1	4.55	9	40.91	5	22.73	3	13.64	0	0.00	3
	Tin học ứng dụng	29	4	10	19	0	0.00	0	0.00	1	3.45	7	24.14	7	24.14	5	17.24	0	0.00	9
	Quản trị MMT	313	23	261	52	0	0.00	2	0.64	41	13.10	93	29.71	72	23.00	26	8.31	12	3.83	67
	Lập trình máy tính	70	8	57	13	0	0.00	0	0.00	4	5.71	10	14.29	19	27.14	17	24.29	0	0.00	20
	Thiết kế trang Web	29	0	27	2	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	3.45	21	72.41	4	13.79	0	0.00	3
	CNKT phần cứng MT	54	0	46	8	0	0.00	0	0.00	3	5.56	7	12.96	15	27.78	1	1.85	0	0.00	28
	Tin học ứng dụng	77	22	66	11	0	0.00	0	0.00	5	6.49	9	11.69	15	19.48	36	46.75	0	0.00	12
7	Kế toán doanh nghiệp	62	50	32	30	0	0.00	0	0.00	6	9.68	13	20.97	28	45.16	6	9.68	0	0.00	9
	Quản trị doanh nghiệp	104	55	54	50	0	0.00	4	3.85	8	7.69	35	33.65	21	20.19	8	7.69	1	0.96	27
	Kế toán doanh nghiệp	107	90	98	9	0	0.00	7	6.54	25	23.36	17	15.89	25	23.36	8	7.48	0	0.00	25
	Quản trị doanh nghiệp	115	63	89	26	0	0.00	8	6.96	19	16.52	13	11.30	36	31.30	14	12.17	1	0.87	24
8	Tiếng Anh	83	48	28	55	0	0.00	1	1.20	10	12.05	24	28.92	20	24.10	9	10.84	0	0.00	19
	Tiếng Anh	85	44	81	4	0	0.00	2	2.35	11	12.94	32	37.65	25	29.41	3	3.53	0	0.00	12
TỔNG TOÀN TRƯỞNG		8.208	830	3.529	4.679	27	0.33	178	2.17	1.156	14.08	3.097	37.73	1.991	24.26	550	6.70	55	0.67	1.154

* Ghi chú: Tổng số HSSV = 8.208 HSSV. Trong đó có 1.154 HSSV không xếp loại. Lý do: Nghi học không đánh giá rèn luyện cá nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT - HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh